TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 19/7/2019.
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Trúc**.
Các Hội thẩm nhân dân :
1. Ông **Nguyễn Văn Ngư.**
2. Ông **Lâm Ngọc Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Trung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Võ Văn Thuận**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 82/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Trà M**, sinh năm 1980 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 22/3/2019, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị Trà M trình bày:

Chị và anh C tự nguyện kết hôn, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/10/2002; chị và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Khả H, sinh ngày 08/9/2003; Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/9/2009. Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm; hiện các con đang sống chung gia đình; tài sản chung, nợ chung anh, chị tự thỏa thuận.

Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn; xin được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn Nguyễn Văn C:

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tống đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tung dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Xét thấy chị Ngô Thị Trà M và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/10/2002, phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Tại phiên tòa chị M cương quyết xin ly hôn, do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị M đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị M và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Khả H, sinh ngày 08/9/2003; Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/9/2009, chị M xin được nuôi 02 con chung. Xét thấy tại biên bản ghi nhận ý kiến các cháu Nguyễn Khả H; Nguyễn Minh T ngày 17/6/2019 nguyện vọng các cháu xin được sống với chị M, căn cứ khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên giao các cháu cho chị M nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho anh C theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

Chi M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên chị M phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tung dân sự.

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Ngô Thị Trà M** và anh **Nguyễn Văn C.**

- Về con chung: Giao các cháu tên Nguyễn Khả H, sinh ngày 08/9/2003; Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/9/2009 cho chị Ngô Thị Trà M chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh C.

Chi M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0006810 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Lê Văn Trúc

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *UBND xã Thuận Hòa;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 ngày 19 tháng 7 năm 2019.

Tại trụ sở: Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Trúc**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ngư.**
2. Ông **Lâm Ngọc Hà**.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con" giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Trà My**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp Trà Quýt A, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Chung**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp Trà Quýt A, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất áp dụng điều luật và các nội dung như sau:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tung dân sự.
- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Ngô Thị Trà My** và anh **Nguyễn Văn Chung.**

- Về con chung: Giao các cháu tên Nguyễn Khả Hân, sinh ngày 08/9/2003; Nguyễn Minh Trí, sinh ngày 13/9/2009 cho chị Ngô Thị Trà My chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh Chung.

Chi My không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị My và anh Chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Chị My phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0006810 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào lúc 14 giờ 45 cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA